

Số: 994/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 25 tháng 7 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 1166/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về triển khai Đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Cao Bằng năm 2018;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 707 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện nghiêm túc việc công khai; tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng thời gian sau khi đã cắt giảm quy định tại danh mục được công bố kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Văn phòng Chính phủ;
  - CT, các PCT UBND tỉnh;
  - VP UBND tỉnh: LĐVP, các CV;
  - Lưu: VT, KSTT.
- Bản  
điện tử



CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh





**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG THỰC HIỆN CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH TẠI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

(Kèm theo Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
<b>I. SỞ TƯ PHÁP (67 thủ tục)</b>				
<b>A. Lĩnh vực lý lịch tư pháp (03 thủ tục)</b>				
1.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	10	07	(trường hợp hồ sơ cần xác minh nhiều nơi thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc)
2.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	10	07	
3.	Cấp phiếu LLTP cho cơ quan tiến hành tố tụng	10	07	
<b>B. Lĩnh vực Công chứng (16 thủ tục)</b>				
4.	Thành lập Văn phòng công chứng	20	15	
5.	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	07	05	
6.	Chuyển nhượng Văn phòng Công chứng	35	20	
7.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	35	20	
8.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	35	20	
9.	Thành lập Hội công chứng viên	45	20	
10.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	7	03	
11.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15	10	
12.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	10	05	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
13.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	05	03	
14.	Đăng ký hoạt động Văn phòng Công chứng	10	07	
15.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Công chứng	07	04	
16.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	10	05	
17.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng sáp nhập	07	04	
18.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	07	04	
19.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	07	04	
<b>C. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật (02 thủ tục)</b>				
20.	Thủ tục cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật	07	04	
21.	Thu hồi thẻ Tư vấn viên pháp luật	07	04	
<b>D. Lĩnh vực Luật sư (14 thủ tục)</b>				
22.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề Luật sư	10	07	
23.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05	03	
24.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05	03	
25.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07	04	
26.	07	04		



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
27.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (trong trường hợp chấm dứt hoạt động do Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên chết)	07	04	
28.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07	04	
29.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10	07	
30.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05	03	
31.	Hợp nhất công ty luật	10	07	
32.	Sáp nhập công ty luật	10	07	
33.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07	04	
34.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07	04	
35.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10	07	

#### **E. Lĩnh vực Giám định tư pháp (10 thủ tục)**

36.	Thành lập Văn phòng Giám định tư pháp	45	30	
37.	Cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Giám định tư pháp	30	10	
38.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	45	30	
39.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	17	10	
40.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	20	10	
41.	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10	07	
42.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	07	04	
43.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp (trường hợp bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động)	07	04	
44.	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của	05	03	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	Văn phòng			
45.	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	05	03	
<b>F. Lĩnh vực trọng tài thương mại (07 thủ tục)</b>				
46.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	10	05	
47.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	10	05	
48.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	15	10	
49.	Thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	7	04	
50.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	15	10	
51.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh Trung tâm trọng tài	15	10	
52.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	15	10	
<b>G. Lĩnh vực Hòa giải thương mại (08 thủ tục)</b>				
53.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	07	05	
54.	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	15	10	
55.	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	07	05	
56.	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	15	10	
57.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10	07	
58.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	10	07	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
59.	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	10	07	
60.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07	05	

#### H. Lĩnh vực đấu giá tài sản (06 thủ tục)

61.	Cấp thẻ đấu giá viên	05	03	
62.	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10	07	
63.	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác	10	07	
64.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	10	07	
65.	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	10	07	
66.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05	03	
<b>G</b>	<b>Lĩnh vực nuôi con nuôi</b>			
67.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	35	25	

#### II. SỞ NỘI VỤ (43 thủ tục)

<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo (09 thủ tục)</b>			
1.	Đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	30	24	
2.	Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	30	24	
3.	Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	30	24	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
4.	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	60	48	
5.	Đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	45	36	
6.	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	45	36	
7.	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	20	16	
8.	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	20	16	
9.	Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	30	24	
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (05 thủ tục)</b>			
10.	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích theo đợt hoặc chuyên đề	35	17	
11.	Tặng danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh về thành tích theo đợt hoặc chuyên đề	35	25	
12.	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đợt xuất	35	05	
13.	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho hộ gia đình	35	25	
14.	Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đối ngoại	35	17	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực văn thư, lưu trữ (01 thủ tục)</b>			
15.	Cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề Lưu trữ	15	10,5	
<b>D.</b>	<b>Lĩnh vực tổ chức, biên chế (03 thủ tục)</b>			
16.	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	35	23	
17.	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	40	27	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
18.	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	40	27	
<b>Đ</b>	<b>Lĩnh vực Hội và tổ chức phi Chính phủ (17 thủ tục)</b>			
19.	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, thành phố	25	18	
20.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	30	24	
21.	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	15	12	
22.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ	15	12	
23.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	15	12	
24.	Hội tự giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, thành phố	30	16	
25.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, thành phố	30	18	
26.	Đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, thành phố	30	24	
27.	Phê duyệt điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, thành phố	30	24	
28.	Thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, thành phố	30	24	
29.	Xin phép đặt Văn phòng đại diện của hội có phạm vi hoạt động trong cả nước hoặc liên tỉnh	15	12	
30.	Đặt Chi nhánh Văn phòng đại diện ở địa phương khác với nơi đặt trụ sở chính của Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh	30	24	
31.	Đổi tên quỹ có phạm vi hoạt động tại tỉnh hoặc liên huyện; huyện và xã	15	12	
32.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ có phạm vi hoạt động tại tỉnh hoặc liên huyện; huyện và xã	30	18	
33.	Quỹ có phạm vi hoạt động tại tỉnh hoặc liên huyện; huyện và xã tự giải thể	15	12	
34.	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động tại tỉnh hoặc liên huyện; huyện và xã	30	24	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
35.	Cho phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động tại tỉnh hoặc liên huyện; huyện và xã	40	32	
<b>E</b>	<b>Lĩnh vực công tác thanh niên (03 thủ tục)</b>			
36.	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong	15	10,5	
37.	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong	15	10,5	
38.	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong	45	31,5	
<b>G</b>	<b>Lĩnh vực quản lý công chức, viên chức (05 thủ tục)</b>			
39.	Tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức	40	32	
40.	Thi nâng ngạch công chức từ ngạch cán sự lên chuyên viên hoặc tương đương	106	85	
41.	Xét chuyên cán bộ, công chức cấp xã thành cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên	30	24	
42.	Tuyển dụng nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 68/NĐ-CP của Chính phủ	06	04	
43.	Phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức cấp xã	07	05	
<b>III. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (100 thủ tục)</b>				
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa - Gia đình (53 thủ tục)</b>			
<b>A.1</b>	<b>Di sản văn hoá</b>			
1.	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	15	12	
2.	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương	20	16	
3.	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	15	12	
4.	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30	24	
5.	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05	04	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
6.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05	04	
7.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	10	08	
8.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	05	04	
9.	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30	24	
10.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	50	40	
11.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	50	40	
12.	Cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30	24	
13.	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	15	12	
14.	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	05	04	
<b>A.2</b>	<b>Nghệ thuật biểu diễn</b>			
15.	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	05	04	
16.	Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	05	04	
17.	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	05	04	
18.	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	05	04	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
19.	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	04	03	
20.	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	15	12	
21.	Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	07	06	
<b>A.3</b>	<b>Văn hóa cơ sở</b>			
22.	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke	07	06	
23.	Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	10	08	
24.	Cấp giấy phép tổ chức lễ hội	10	08	
25.	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng zôn	15	05	
26.	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15	12	
27.	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	10	08	
28.	Phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	07	06	
29.	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu	45	09	
30.	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	10	08	
<b>A.5</b>	<b>Thư viện</b>			
31.	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10	08	
<b>A.6</b>	<b>Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm</b>			
32.	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	07	06	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
33.	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	07	06	
34.	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	07	06	
35.	Cấp giấy phép đưa tác phẩm từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	07	06	
36.	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	07	06	
37.	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	07	06	
38.	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	07	06	
39.	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	07	06	
<b>A.7</b>	<b>Gia đình</b>			
40.	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07	06	
41.	Cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc bạo lực gia đình	07	06	
42.	Cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07	06	
43.	Cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07	06	
44.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	30	24	
45.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	15	12	
46.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	20	16	
47.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	30	24	
48.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	15	12	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
49.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	20	16	
50.	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	05	04	
<b>A.8</b>	<b>Quảng cáo</b>			
51.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10	08	
52.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10	08	
53.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10	08	
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực thể dục, thể thao (22 thủ tục)</b>			
54.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	07	06	
55.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao	07	06	
56.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker	07	06	
57.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình	07	06	
58.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí	07	06	
59.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động	07	06	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	boi, lặn			
60.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao	07	06	
61.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam	07	06	
62.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt	07	06	
63.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ	07	06	
64.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo	07	06	
65.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng	07	06	
66.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo	07	06	
67.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá	07	06	
68.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn	07	06	
69.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông	07	06	
70.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh	07	06	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin			
71.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	05	04	
72.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	05	04	
73.	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	12	
74.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo	07	05	
75.	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	12	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực du lịch (25 thủ tục)</b>			
<b>C.1</b>	<b>Lữ hành</b>			
76.	Công nhận điểm du lịch	30	24	
77.	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10	08	
78.	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05	04	
79.	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05	04	
80.	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	05	04	
81.	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	05	04	
82.	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	05	04	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
83.	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam ( <i>trường hợp nội dung hoạt động của văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i> )	13	10	
84.	Điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05	04	
85.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	05	04	
86.	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị rách nát hoặc bị tiêu hủy	05	04	
87.	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05	04	
88.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05	04	
89.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15	12	
90.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15	12	
91.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10	08	
92.	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10	08	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
93.	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10	08	
94.	Cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10	08	
<b>C.2</b>	<b>Lưu trú du lịch</b>			
95.	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	30	24	
<b>C.3</b>	<b>Dịch vụ du lịch khác</b>			
96.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	16	
97.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	16	
98.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	16	
99.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	16	
100.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	16	

#### IV. SỞ NGOẠI VỤ (07 thủ tục)

A.	Lĩnh vực Công tác lãnh sự (06 thủ tục)			
1.	Cho phép đoàn ra thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Ngoại vụ	4	3	
2.	Cho phép đoàn ra thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Cao Bằng	15	14	
3.	Cho phép đoàn vào thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Ngoại vụ	4	3	
4.	Cho phép đoàn vào thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Cao Bằng	8	7	
5.	Đề nghị cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	10	9	
6.	Đề nghị cấp công hàm, xin thị thực	4	3	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực hợp tác quốc tế (01 thủ tục)</b>			
7.	Xin cấp phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế	14	13	
<b>V. SỞ TÀI CHÍNH (02 thủ tục)</b>				
<b>Lĩnh vực Quản lý giá</b>				
1.	Kê khai giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh	05	04	
2.	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh	05	04	
<b>VI. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (47 thủ tục)</b>				
<b>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</b>				
1.	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	40	32	
2.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20	15	
3.	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông trung học	40	32	
4.	Giải thể trường phổ thông trung học	20	16	
5.	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	30	24	
6.	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	15	12	
7.	Sáp nhập, chia tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	15	12	
8.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	15	12	
9.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	40	30	
10.	Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	60	42	
11.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	20	15	
12.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường tiểu học	40	30	
13.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường trung học ( <i>Bao gồm trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện;</i>	40	30	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	<i>trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường chuyên thuộc các loại hình trong hệ thống giáo dục quốc dân)</i>			
14.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	40	30	
15.	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam	30	20	
16.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	25	20	
17.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non	40	30	
18.	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	15	12	
19.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	5	3	
20.	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục	30	24	
21.	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	30	24	
22.	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thục	30	24	
23.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông	15	10	
24.	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	25	20	
25.	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	25	20	
26.	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15	12	
27.	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	15	12	
28.	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	20	16	
29.	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	20	16	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
30.	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp.)	20	16	
31.	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10	8	
32.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10	8	
33.	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10	8	
34.	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	20	16	
35.	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	20	16	
36.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	40	32	
37.	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	20	16	
38.	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	20	16	
39.	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	15	12	
40.	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	15	12	
41.	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	40	32	
42.	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	20	16	
43.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	20	16	
44.	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	40	32	
45.	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	20	16	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
46.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20	16	
47.	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	40	32	
<b>VII. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (34 thủ tục)</b>				
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực đăng kiểm (02 thủ tục)</b>			
1.	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng để khai thác sử dụng	03	02	
2.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	03	02	
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực đường bộ (27 thủ tục)</b>			
3.	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03	02	
4.	Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03	02	
5.	Cấp lại hoặc bổ sung giấy phép xe tập lái	03	02	
6.	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	05	04	Cắt giảm 01 ngày trong thời gian tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản
7.	Cấp Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	05	04	
8.	Cấp lại giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	10	08	
9.	Cấp mới giấy phép lái xe	10	08	
10.	Cấp lại giấy phép lái xe do quá thời hạn sử dụng	10	08	
11.	Cấp lại giấy phép lái xe do bị mất (trường hợp giấy phép còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng)	05	04	
12.	Cấp lại giấy phép lái xe do bị mất (trường hợp giấy phép quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên)	10	08	
13.	Lập lại hồ sơ gốc đối với xe cơ giới đường bộ	05	04	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
14.	Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05	04	
15.	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	05	04	
16.	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	05	04	
17.	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài	05	04	
18.	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	05	04	
19.	Cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Cấp mới: 05 Cấp lại: 30	Cấp mới: 04 Cấp lại: 15	
20.	Cấp giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia – Lào – Việt Nam (Giấy phép liên vận CLV)	03	02	
21.	Cấp giấy phép vận tải Việt – Trung cho xe công vụ	03	02	
22.	Cấp giấy phép vận tải Việt – Trung cho phương tiện kinh doanh vận tải đường bộ (loại A, B, C)	03	02	
23.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	15	10	
24.	Cấp đổi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	03	02	
25.	Cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	30	15	
26.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	03	02	
27.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng chuyển quyền sở hữu trong cùng một tỉnh, thành phố	10	06	
28.	Cấp phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng	03	02	
29.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng chuyển quyền sở hữu khác tỉnh, thành phố	15	10	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa (05 thủ tục)</b>			
30.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	03	02	
31.	Xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa	03	02	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
32.	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	05	04	
33.	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	05	04	
34.	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	03	02	
<b>VIII. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (26 thủ tục)</b>				
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực môi trường (03 thủ tục)</b>			
1.	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản	30	24	
2.	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	25	20	
3.	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	25	20	
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực tài nguyên nước (07 thủ tục)</b>			
4.	Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	65	52	
5.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	55	42	
6.	Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	21	17	
7.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	16	13	
8.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	55	42	
9.	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	08	06	
10.	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	25	20	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực địa chất và khoáng sản (16 thủ tục)</b>			
11.	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm	57	41	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch			
12.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	- Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 115 ngày - Đối với điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: 40 ngày - Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 72 ngày	- Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 78 ngày - Đối với điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: 30 ngày - Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 51 ngày	
13.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	112	100	
14.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	112	100	
15.	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	95	72	
16.	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	50	40	
17.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	50	40	
18.	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	50	40	
19.	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	50	40	
20.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	50	40	
21.	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	50	40	
22.	Đóng cửa mỏ khoáng sản	108	84	
23.	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	35	27	
24.	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	20	14	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
25.	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	20	14	
26.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	190	95	

### IX. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (34 thủ tục)

A.	Lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ (16 thủ tục)			
1.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	15	10	
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10	07	
3.	Thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10	07	
4.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	15	10	
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10	07	
6.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10	07	
7.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	15	10	
8.	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	30	20	
9.	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	30	20	
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10	05	
11.	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10	05	
12.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	15	10	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
13.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	07	03	
14.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	15	13	
15.	Hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ	20	16	
16.	Hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ			
	<i>* Đối với hỗ trợ hợp đồng chuyển giao công nghệ</i>	20	16	
	<i>* Đối với hỗ trợ hoạt động tư vấn, xây dựng, thiết lập và đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ</i>	10	05	
<b>B</b>	<b>Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (03 thủ tục)</b>			
17	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	01	20	
18	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	15	10	
19	Hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu công nghiệp	15	08	
<b>C</b>	<b>Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân (07 thủ tục)</b>			
20	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).	30	20	
21	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	30	15	
22	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).	10	07	
23	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).	10	07	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
24	Cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	10	07	
25	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).	10	08	
26	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	05	03	
<b>D</b>	<b>Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (08 thủ tục)</b>			
27	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	03	02	
28	Cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	05	03	
29	Cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	05	03	
30	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	- Hồ sơ không đầy đủ: 03 ngày (thông báo bổ sung hồ sơ). - Hồ sơ đầy đủ: 05 ngày	- Hồ sơ không đầy đủ: 02 ngày (thông báo bổ sung hồ sơ). - Hồ sơ đầy đủ: 03 ngày	
31	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	- Hồ sơ không đầy đủ: 03 ngày (thông báo bổ sung hồ sơ). - Hồ sơ đầy đủ: 05 ngày	- Hồ sơ không đầy đủ: 02 ngày (thông báo bổ sung hồ sơ). - Hồ sơ đầy đủ: 03 ngày	
32	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	- Hồ sơ không đầy đủ: 03 ngày (thông báo bổ sung hồ sơ). - Hồ sơ đầy đủ: 05 ngày	- Hồ sơ không đầy đủ: 02 ngày (thông báo bổ sung hồ sơ). - Hồ sơ đầy đủ: 03 ngày	
33	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ	- Hồ sơ không đầy đủ: 03 ngày (thông báo bổ sung hồ sơ). - Hồ sơ đầy đủ: 05 ngày	- Hồ sơ không đầy đủ: 02 ngày (thông báo bổ sung hồ sơ). - Hồ sơ đầy đủ: 03 ngày	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	ban hành			
34	Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm	15	08	

#### X. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (40 thủ tục)

A.	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp (25 thủ tục)			
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	02	
2.	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			
	2.1 Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	03	02	
	2.2 Đăng ký đổi tên doanh nghiệp	03	02	
	2.3 Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	03	02	
	2.4 Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03	02	
	2.5 Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp	03	02	
	2.6 Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03	02	
	2.7 Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03	02	
	2.8 Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	03	02	
	2.9 Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	03	02	
3	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	3.1 Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh	03	02	
	3.2 Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	03	02	
	3.3 Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	03	02	
	3.4 Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	03	02	
	3.5 Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	03	02	
4	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	02	
5	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh			
	5.1 Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	02	
	5.2 Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	03	02	
	5.3 Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	02	
	6.4 Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	03	02	
6	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	03	02	
	6.1 Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	02	
	6.2 Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng	03	02	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	<i>Đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)</i>			
	<i>6.3 Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)</i>	03	02	
7	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	03	02	
8	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	03	02	
9	Bán doanh nghiệp tư nhân	03	02	
10	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)			
	<i>10.1.Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</i>	03	02	
	<i>10.2.Thành lập mới công ty được chia là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</i>	03	02	
	<i>10.3.Thành lập mới công ty được chia là công ty cổ phần</i>	03	02	
11	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)			
	<i>11.1.Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</i>	03	02	
	<i>11.2.Thành lập mới công ty được tách là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</i>	03	02	
	<i>11.3.Thành lập mới công ty được tách là công ty cổ phần</i>	03	02	
	<i>11.4.Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty bị tách</i>	03	02	
12	Hợp nhất doanh nghiệp			
	<i>12.1.Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</i>	03	02	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	<i>12.2. Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</i>	03	02	
	<i>12.3. Thành lập mới công ty hợp nhất là công ty cổ phần</i>	03	02	
13	Sáp nhập doanh nghiệp			
	<i>13.1. Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</i>	03	02	
	<i>13.2. Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</i>	03	02	
	<i>13.3. Đăng ký thay đổi công ty nhận sáp nhập là công ty cổ phần</i>	03	02	
14	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	03	02	
15	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03	02	
16	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03	02	
17	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	03	02	
18	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	03	02	
19	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	03	02	
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	03	02	
21	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp			
	<i>21.1 Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp</i>	03	02	
	<i>21.2 Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp</i>	03	02	
22	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	03	02	
23	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	03	02	
24	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	03	02	
25	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội	03	02	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (12 thủ tục)</b>			
26	Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	15	10	
27	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	10	05	
28	Giãn tiến độ đầu tư	15	10	
29	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	05	03	
30	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.	15	10	
31	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	15	10	
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	05	03	
33	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03	02	
34	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15	10	
35	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15	10	
36	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	30	25	
37	Góp vốn, mua cổ phần, phân vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	15	10	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực đấu thầu (03 thủ tục)</b>			
38	Thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư (dự án nhóm A do cấp tỉnh quản lý)	45	40	
39	Thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư (dự án nhóm B, C do cấp tỉnh quản lý)	Dự án nhóm A: 30 Dự án nhóm B: 20	Dự án nhóm A: 26 Dự án nhóm B: 18	
40	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	25	20	Cắt giảm 05 ngày trong thời gian thẩm định
<b>XI. SỞ XÂY DỰNG (02 thủ tục)</b>				
<b>Lĩnh vực quản lý công trình xây dựng</b>				



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
1	Cấp GPXD đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trừ công trình thuộc thẩm quyền Ban quản lý khu kinh tế tỉnh cấp GPXD); công trình thuộc dự án (trừ Báo cáo kinh tế- kỹ thuật công trình từ cấp III trở xuống); di dời công trình; công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trên đường phố chính trong đô thị Thành phố Cao Bằng (đối với giấy phép xây dựng công trình)	30	20	
2	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng (đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình)	30	20	
<b>XII. SỞ Y TẾ (123 thủ tục)</b>				
<b>A</b>	<b>Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh (69 thủ tục)</b>			
1.	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
2.	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
3.	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
4.	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
5.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc	30	24	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	thẩm quyền của Sở Y tế			
6.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
7.	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	60	48	
8.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	45	36	
9.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	45	36	
10.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	45	36	
11.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	45	36	
12.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	45	36	
13.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45	36	
14.	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45	36	
15.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp.	45	36	
16.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	45	36	
17.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	45	36	
18.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	45	36	
19.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh,	45	36	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	phòng X-quang thuộc thẩm quyền của Sở y tế.			
20.	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ	10	08	
21.	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage)	10	08	
22.	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã	45	36	
23.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	45	36	
24.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	15	12	
25.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	- Đối với bệnh viện: 60 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 45 ngày.	- Đối với bệnh viện: 48 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 36 ngày.	
26.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	- Đối với bệnh viện: 60 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 45 ngày.	- Đối với bệnh viện: 48 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 36 ngày.	
27.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	- Đối với bệnh viện: 60 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 45 ngày.	- Đối với bệnh viện: 48 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 36 ngày.	
28.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	- Đối với bệnh viện: 60 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 45 ngày.	- Đối với bệnh viện: 48 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 36 ngày.	
29.	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	- Đối với bệnh viện: 60 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 45 ngày.	- Đối với bệnh viện: 48 ngày; - Đối với các hình thức tổ chức khác: 36 ngày.	
30.	Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại khoản 3 điều 2 thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	10	08	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
31.	Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	20	18	
32.	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	20	18	
33.	Đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	20	18	
34.	Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	20	18	
35.	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	20	18	
36.	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	20	18	
37.	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
38.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
39.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
40.	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa	45	36	
41.	Cấp bổ sung lòng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế	45	36	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	cấp xã			
42.	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45	36	
43.	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	10	08	
44.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	10	08	
45.	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	10	08	
46.	Cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	10	8	
47.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45	35	
48.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45	35	
49.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45	35	
50.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45	35	
51.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	45	35	
52.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	45	35	
53.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà	45	35	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
54.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	45	35	
55.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	45	35	
56.	Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	45	35	
57.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	- 60 ngày đối với bệnh viện - 45 ngày đối với cơ sở khám, chữa bệnh khác tính từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	- 48 ngày đối với bệnh viện - 35 ngày đối với cơ sở khám, chữa bệnh khác	
58.	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	- 60 ngày đối với bệnh viện - 45 ngày đối với cơ sở khám, chữa bệnh khác tính từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	- 48 ngày đối với bệnh viện - 35 ngày đối với cơ sở khám, chữa bệnh khác	
59.	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	- 60 ngày đối với bệnh viện - 45 ngày đối với cơ sở khám, chữa bệnh khác tính từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	- 48 ngày đối với bệnh viện - 35 ngày đối với cơ sở khám, chữa bệnh khác	
60.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.	- 60 ngày đối với bệnh viện - 45 ngày đối với cơ sở khám, chữa bệnh khác tính từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	- 48 ngày đối với bệnh viện - 35 ngày đối với cơ sở khám, chữa bệnh khác	
61.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	10	8	
62.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất và hư hỏng	05	03	
63.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	10	08	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo			
64.	Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền	30	20	
65.	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	35	28	
66.	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20	16	
67.	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20	16	
68.	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	20	16	
69.	Cấp lại Giấy chứng nhận lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	07	04	
<b>B</b>	<b>Lĩnh vực Y tế dự phòng (12 thủ tục)</b>			
70.	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	07	05	
71.	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	07	05	
72.	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	17	13	
73.	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	7	5	
74.	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng chống HIV/AIDS	10	08	
75.	Thủ tục Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	05	03	
76.	Thủ tục Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	05	03	
77.	Thủ tục Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	05	03	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
78.	Thủ tục Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	05	03	
79.	Thủ tục Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	03	01	
80.	Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	10	08	
81.	Thủ tục Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng	15	12	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực giám định y khoa (20 thủ tục)</b>			
82.	Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	21	
83.	Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	21	
84.	Giám định để thực hiện chế độ hưu trí trước tuổi đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội hoặc người đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc người lao động đã có quyết định nghỉ việc chờ giải quyết chế độ hưu trí, trợ cấp hằng tháng; giám định để thực hiện chế độ tử tuất; giám định đối với người lao động đã nghỉ hưu hoặc đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm mắc bệnh nghề nghiệp	30	21	
85.	Giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	21	
86.	Giám định tai nạn lao động tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	21	
87.	Giám định tổng hợp đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	21	
88.	Giám định bệnh nghề nghiệp tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30	21	
89.	Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm chất độc hóa học quy định tại điều 38 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công	45	32	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	với cách mạng			
90.	Khám giám định y khoa đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	45	32	
91.	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật	30	21	
92.	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	30	21	
93.	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	30	21	
94.	Khám giám định đối với trường hợp Người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.	30	21	
95.	Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.	30	21	
96.	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định.	30	21	
97.	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành biên bản khám giám định.	30	21	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
98.	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm Giám định y khoa thuộc Bộ giao thông vận tải thực hiện	30	21	
99.	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thực hiện	40	28	
100.	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh thực hiện	40	28	
101.	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh thực hiện	40	28	
<b>D.</b>	<b>Lĩnh vực Dược (22 thủ tục)</b>			
102.	Công bố cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược	30	24	
103.	Điều chỉnh công bố đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược	10	08	
104.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	20	16	
105.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	05	04	
106.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ ( Trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	10	08	
107.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	10	08	
108.	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	30	24	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
109.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	30	24	
110.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	- Đối với trường hợp mất, hỏng: 20 ngày - Đối với trường hợp cấp lại do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: 07 ngày	- Đối với trường hợp mất, hỏng: 16 ngày - Đối với trường hợp cấp lại do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: 05 ngày	
111.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	20	16	
112.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	05	04	
113.	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
114.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc phóng xạ;	95	76	
115.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho các cơ sở kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất (trừ cơ sở sản xuất dược quy định tại Điều 50 của Nghị định 54/2017/NĐ-	30	24	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	CP); cơ sở kinh doanh thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Sở Y tế			
116.	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30	24	
117.	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	30	24	
118.	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	07	05	
119.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	07	05	
120.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	07	05	
121.	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	15	12	
122.	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	10	07	
123.	Điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp Giấy xác nhận thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	07	05	
<b>XIII. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (39 thủ tục)</b>				
<b>A</b>	<b>Lĩnh vực lâm nghiệp (09 thủ tục)</b>			
1.	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống	10	05	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
2.	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con	10	05	
3.	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trọi; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	15	05	
4.	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	35	20	
5.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	35	25	
6.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	20	15	
7.	Giao rừng cho tổ chức	36	30	
8.	Cho thuê rừng cho tổ chức	36	30	
9.	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi một tỉnh)	24	20	
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (03 thủ tục)</b>			
10.	Công nhận làng nghề	45	39	Cắt giảm 6 ngày thực hiện tại Sở NN&PTNT
11.	Công nhận nghề truyền thống	30	24	
12.	Công nhận làng nghề truyền thống	30	24	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực trồng trọt (04 thủ tục)</b>			
13.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chi hoạt động đóng gói phân bón	20	14	
14.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chi hoạt động đóng gói phân bón	20	14	
15.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	10	07	
16.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	05	03	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
<b>D</b>	<b>Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (06 thủ tục)</b>			
17.	Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	23	19	
18.	Xác định lại nội dung quảng cáo thực phẩm	23	19	
19.	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	03	02	
20.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm sản	18	15	
21.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)	18	15	
22.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	05	04	
<b>Đ</b>	<b>Lĩnh vực quản lý xây dựng công trình (04 thủ tục)</b>			
23.	Thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh (đối với dự án sử dụng nước ngân sách)	20	15	Cắt giảm thời gian thẩm định đối với dự án nhóm C
24.	Thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh trường hợp thiết kế 1 bước (đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và vốn khác)	20	15	Cắt giảm thời gian thẩm định đối với dự án nhóm B
25.	Thẩm định thiết kế dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (thiết kế sau thiết kế cơ sở)	30	25	Cắt giảm thời gian thẩm định đối với công trình cấp II, cấp III
26.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý của sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	10	8	
<b>E</b>	<b>Lĩnh vực thủy sản (03 thủ tục)</b>			
27.	Kiểm tra chất lượng giống Thủy sản nhập khẩu ( trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)	01	0,5	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
28.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	3	01	
29.	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai	15	07	
<b>G</b>	<b>Lĩnh vực thủy lợi (04 thủ tục)</b>			
30.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (đối với hoạt động: Xây dựng kho, bến bãi, bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; chôn phế thải, chất thải)	15	11	
31.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (Đối với các hoạt động: Xây dựng công trình mới hoặc nâng cấp công trình đã có; Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước)	15	11	
32.	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh	30	25	
33.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước vào hệ thống công trình thủy lợi thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh	15	11	
<b>H</b>	<b>Lĩnh vực thú y (06 thủ tục)</b>			
34.	Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15	11	
35.	Thủ tục kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ; triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	03	01	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
36.	Cấp chứng chỉ hành nghề Thú y	05	03	
37.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05	02	
38.	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	05	02	
39.	Gia hạn chứng chỉ hành nghề Thú y	03	01	

#### XIV. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH (48 thủ tục)

A.	Lĩnh vực đầu tư (19 thủ tục)			
1.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư. BQL	15	07	
2.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương			
	2.1 Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.	37	26	
	2.2 Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.	65	53	
3.	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL	03	02	
4.	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư). BQL	10	05	
5.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. BQL	26	16	
6.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ Tướng Chính phủ. BQL	60	47	
7.	Chuyển nhượng dự án đầu tư			
	7.1 Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không	10	05	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư			
	7.2Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.	41	30	
	7.3Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	60	37	
8.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế. BQL	15	07	
9.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.	15	07	
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL	05	03	
11.	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL	03	02	
12.	Giãn tiến độ đầu tư. BQL	15	07	
13.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. BQL	15	07	
14.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. BQL	15	07	
15.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. BQL	03	02	
16.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư. BQL	05	03	
17.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư. BQL	30	15	
18.	Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.BQL			
	18.1Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. (đối với dự án Quyết định chủ trương của	35	24	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
	UBND tỉnh)			
	18.2 Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. (đối với dự án Quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ)	65	53	
19.	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			
	19.1 Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án Quyết định chủ trương của UBND tỉnh)	26	16	
	19.2 Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án Quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ)	60	37	
<b>B</b>	<b>Lĩnh vực xây dựng (02 thủ tục)</b>			
20.	Cấp GPXD đối với các công trình từ cấp III trở xuống thuộc dự án liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp và các khu chức năng trong khu kinh tế (khu phi thuế quan, các khu vực cửa khẩu, khu chức năng đặc thù khác) được giao quản lý. BQL	30	15	
21.	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với các công trình từ cấp III trở xuống thuộc thẩm quyền Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh cấp GPXD. BQL	- 30 ngày đối với điều chỉnh GPXD; - 10 ngày đối với Gia hạn, cấp lại GPXD.	- 15 ngày đối với điều chỉnh GPXD; - 07 ngày đối với Gia hạn, cấp lại GPXD.	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực quy hoạch xây dựng (03 thủ tục)</b>			
22.	Giới thiệu địa điểm xây dựng và tuyến xây dựng công trình. BQL	20	15	
23.	Chấp thuận Tổng mặt bằng quy hoạch và kiến trúc công trình. BQL	10	07	
24.	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch. BQL	45	30	
<b>D.</b>	<b>Lĩnh vực đất đai (03 thủ tục)</b>			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
25.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu kinh tế	30	15	
26.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu kinh tế	20	15	
27.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu kinh tế	20	15	
<b>Đ.</b>	<b>Lĩnh vực quản lý công sản (02 thủ tục)</b>			
28.	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động	15	07	
29.	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế	15	07	
<b>E.</b>	<b>Lĩnh vực việc làm (02 thủ tục)</b>			
30.	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.BQL	07	05	
31.	Xác nhận người lao động nước ngoài làm việc tại khu kinh tế không thuộc diện cấp giấy phép lao động.BQL	03	02	
<b>G.</b>	<b>Lĩnh vực thương mại quốc tế (05 thủ tục)</b>			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
32.	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.BQL	07	05	
33.	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.BQL	05	03	
34.	Điều chỉnh, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.BQL	05	03	
35.	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.BQL	05	03	
36.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép.BQL	05	03	
<b>H.</b>	<b>Lĩnh vực lưu thông hàng hoá trong nước (12 thủ tục)</b>			
37.	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.BQL	10	08	
38.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.BQL	10	08	
39.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.BQL	10	08	
40.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.BQL	15	10	
41.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.BQL	15	10	
42.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.BQL	15	10	
43.	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.BQL	10	08	
44.	Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.BQL	10	08	
45.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.BQL	10	08	
46.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.BQL	15	10	
47.	Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.BQL	15	10	
48.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.BQL	15	10	



**Phần II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
<b>I. NGÀNH TƯ PHÁP (12 thủ tục)</b>				
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực hộ tịch (10 thủ tục)</b>			
1	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15	10	
2	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15	10	
3	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15	10	
4	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Đối với đăng ký giám hộ cũ: 05 ngày; - Đối với đăng ký giám hộ đương nhiên: 03 ngày	- Đối với đăng ký giám hộ cũ: 03 ngày; - Đối với đăng ký giám hộ đương nhiên: 02 ngày	
5	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12	10	
6	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12	10	
7	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05	03	
8	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05	03	
9	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05	03	
10	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05	03	
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật (02 thủ tục)</b>			
11	Công nhận báo cáo viên pháp luật huyện	05	03	
12	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện	05	03	
<b>II. NGÀNH NỘI VỤ (07 thủ tục)</b>				



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo (03 thủ tục)</b>			
1	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	25	20	
2	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	25	20	
3	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	25	20	
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (04 thủ tục)</b>			
4	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	30	21	
5	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	30	21	
6	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đối ngoại	30	21	
7	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình	30	21	
<b>III. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (06 thủ tục)</b>				
<b>Lĩnh vực lâm nghiệp</b>				
1	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường	03	02	
2	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	05	04	
3	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	03	02	
4	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	05	04	
5	Đóng dấu búa kiểm lâm	10	08	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
6	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	23	20	
<b>IV. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (01 thủ tục)</b>				
<b>Lĩnh vực tài nguyên nước</b>				
1	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh	40	32	
<b>V. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (33 thủ tục)</b>				
<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				
1	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	40	32	
2	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20	14	
3	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	40	32	
4	Giải thể trường tiểu học ( <i>theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học</i> )	20	16	
5	Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng	15	12	
6	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	40	32	
7	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20	15	
8	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	40	32	
9	Giải thể trường trung học cơ sở ( <i>theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường</i> )	20	16	
10	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	30	24	
11	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập.	30	24	
12	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập	35	28	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
13	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục	30	24	
14	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ dân lập	35	28	
15	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập	10	8	
16	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	40	28	
17	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	5	3	
18	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	15	12	
19	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	15	10	
20	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi	78	63	
21	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi	80	64	
22	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	20	16	
23	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	30	24	
24	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	20	12	
25	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	45	36	
26	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	20	16	
27	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	40	32	
28	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	20	16	
29	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	15	12	
30	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	35	28	
31	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	30	24	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
32	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	35	28	
33	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	10	8	

#### VI. NGÀNH XÂY DỰNG (02 thủ tục)

Lĩnh vực quản lý công trình xây dựng				
1	Cấp Giấy phép xây dựng (GPXD) đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã; trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thuộc địa bàn quản lý (trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh)	30	20	
2	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã; trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thuộc địa bàn quản lý (trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh) (đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình)	30	20	

### Phần III

#### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
<b>I. NGÀNH TƯ PHÁP (22 thủ tục)</b>				
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực hộ tịch (12 thủ tục)</b>			
1	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc (trường hợp xác minh thì không quá 08 ngày làm	02 ngày làm việc (trường hợp xác minh thì không quá 06 ngày làm việc)	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
		việc)		
2	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc (trường hợp xác minh thì không quá 08 ngày làm việc)	02 ngày làm việc (trường hợp xác minh thì không quá 06 ngày làm việc)	
3	Đăng ký khai sinh lưu động	05	03	
4	Đăng ký kết hôn lưu động	05	03	
5	Đăng ký khai tử lưu động	05	03	
6	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	03 ngày làm việc (trường hợp xác minh thì không quá 08 ngày làm việc)	02 ngày làm việc (trường hợp xác minh thì không quá 06 ngày làm việc)	
7	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	07 ngày làm việc (trường hợp xác minh thì không quá 12 ngày làm việc)	05 ngày làm việc (trường hợp xác minh thì không quá 09 ngày làm việc)	
8	Đăng ký giám hộ	03	02	
9	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc (trường hợp xác minh không quá 13 ngày làm việc)	03 ngày làm việc (trường hợp xác minh không quá 10 ngày làm việc)	
10	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc (trường hợp xác minh không quá 13 ngày làm việc)	03 ngày làm việc (trường hợp xác minh không quá 10 ngày làm việc)	
11	Đăng ký lại kết hôn	05	03	
12	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc (trường hợp xác minh không quá 10 ngày làm việc)	03 ngày làm việc (trường hợp xác minh không quá 07 ngày làm việc)	
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực nuôi con nuôi (04 thủ tục)</b>			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
13	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	30	20	
14	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05	03	
15	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	30	24	
16	Đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế	15	10	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực hòa giải (04 thủ tục)</b>			
17	Bầu hòa giải viên	05	03	
18	Bầu tổ trưởng tổ hòa giải	05	03	
19	Thôi làm hòa giải viên	05	03	
20	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	08	05	
<b>D.</b>	<b>Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 thủ tục)</b>			
21	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	05	03	
22	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	05	03	
<b>II. NGÀNH NỘI VỤ (08 thủ tục)</b>				
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo (06 thủ tục)</b>			
1.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	15	12	
2.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	15	12	
3.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	20	16	
4.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	15	12	
5.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	15	12	
6.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	20	16	
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (02 thủ tục)</b>			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định (ngày)	Thời hạn giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
7.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	15	12	
8.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	15	12	
<b>III. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (04 thủ tục)</b>				
<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>				
1	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	25	20	
2	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	25	20	
3	Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	20	16	
4	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	25	20	

**Tổng:** 707 thủ tục hành chính

**Trong đó:**

- + Cấp tỉnh: 612 thủ tục
- + Cấp huyện: 61 thủ tục
- + Cấp xã: 34 thủ tục